

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tài chính công trong giai đoạn hiện nay

TS Vũ Nhĩ Thăng

Phó Chủ tịch phụ trách Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia

Cải cách nền hành chính quốc gia là một trong những chủ trương lớn và xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, là một trong những giải pháp đột phá góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển đất nước đến năm 2030: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước”.

Thể chế hóa và cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo nêu trên, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030, trong đó cải cách tài chính công là một trong những trụ cột quan trọng của công tác cải cách hành chính nhà nước.

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu đầu tư công

Tái cơ cấu nền kinh tế là nhiệm vụ quan trọng của Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Một trong ba trọng tâm được xác định trong Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020 là tái cơ cấu đầu tư công.

Ba trụ cột tái cơ cấu kinh tế



Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã nhấn mạnh mục tiêu tổng quát là: tiếp tục thực hiện cơ cấu lại đầu tư công và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, giảm tỷ trọng vốn đầu tư công trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội, phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước.

Thời gian qua, đầu tư công đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và cung ứng các dịch vụ công; tạo điều kiện thúc đẩy phát triển nền kinh tế, bảo đảm an sinh và công bằng xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Quá trình tái cơ cấu đầu tư công của Việt Nam được thực hiện từ năm 2011, đến nay đã đạt được những kết quả tích cực, quy mô chi tiêu đầu tư

công ngày càng gia tăng để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế; tình trạng đầu tư tràn lan, dàn trải, thiếu quy hoạch đã được giảm thiểu; hoạt động đầu tư công triển khai theo hướng đảm bảo không “chèn lấn” khu vực tư nhân, hiệu quả các dự án đầu tư công từng bước được cải thiện... Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội thông qua đã thể hiện tinh thần nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong quản lý đầu tư công, từ phê duyệt chủ trương đến thẩm định nguồn vốn nhằm hạn chế cơ chế “xin - cho”, tình trạng đầu tư dàn trải gây lãng phí, phòng chống tham nhũng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Tuy nhiên, do các văn bản pháp luật quản lý đầu tư công chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, thiếu chế tài và biện pháp quản lý, giám sát, nên phát sinh nhiều hạn chế; tư duy nhiệm kỳ, cục bộ địa phương cũng khiến đầu tư công còn dàn trải, phân tán, kế hoạch đầu tư bị cắt khúc từng năm, hiệu quả kém. Tình trạng triển khai quá nhiều dự án vượt quá vốn kế hoạch được giao, gây nợ đọng xây dựng cơ bản, gây áp lực lớn đến cân đối ngân sách các cấp. Để tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đầu tư công, trong thời gian tới cần thực hiện tốt một số nội dung cơ bản sau:

Một là, tập trung đầu tư công vào các lĩnh vực ưu tiên, có trọng điểm.

Hoạt động đầu tư công cần có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế có tính lan tỏa lớn, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo phát triển hài hòa, bền vững như các dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng yếu, nhất là hạ tầng giao thông và năng lượng; các dự án tạo động lực phát triển mới, thúc đẩy sự phát triển ngành, lĩnh vực như dự án kinh tế số, chuyên đổi số, phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; các dự án phòng chống thiên tai như đảm bảo an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập, ứng phó với biến đổi khí hậu...

Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn cần sắp xếp thứ tự ưu tiên, lựa chọn các danh mục dự án và mức bố trí vốn cụ thể cho phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công và khả năng huy động vốn khác; rà soát, giảm mạnh số lượng dự án, nhất là các dự án khởi công mới; kiên quyết xóa bỏ cơ chế “xin - cho” và chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là về thể chế, thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng để triển khai hiệu quả và sớm đưa dự án vào hoạt động.

Hai là, hoàn thiện cơ chế khuyến khích, tạo thuận lợi cho việc huy động nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước, đặc biệt là đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Nguồn lực từ khu vực tư nhân là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng. Trong bối cảnh nhu cầu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật của cả nước nói chung và mỗi địa phương nói riêng là rất lớn, với điều kiện nguồn lực từ ngân sách nhà nước (NSNN) có hạn, vốn của các nhà tài trợ ngày càng thu hẹp, mô hình đầu tư theo hình thức hợp tác công tư như một công cụ hữu hiệu để huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân cả trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, nhiều dự án BOT, BT trong nước đã chủ

trương triển khai việc thu hút vốn nước ngoài(2), tuy nhiên do các điều kiện khắt khe, thủ tục phức tạp dẫn đến không có nhiều sự quan tâm từ các nhà đầu tư quốc tế. Do vậy, để thu hút hiệu quả hơn các nhà đầu tư nước ngoài, đối tác chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia vào các dự án lớn, cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách khuyến khích, ưu đãi mang tính đột phá, cạnh tranh quốc tế. Đồng thời, nghiên cứu các điều khoản, danh mục hợp đồng phân bổ đủ sức hấp dẫn và có hiệu quả kinh tế phù hợp với các đối tác nước ngoài.

Ba là, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy nhanh giải ngân đầu tư công.

Cần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật về đầu tư công, trong đó có quy định về đấu thầu, thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu, đánh giá hiệu quả dự án... theo kế hoạch hàng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn, cần đẩy nhanh triển khai việc phân bổ vốn, sớm có kế hoạch giải ngân chi tiết; đẩy nhanh và nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư các dự án. Quy định chế tài xử phạt, trách nhiệm giải trình chặt chẽ với từng cơ quan, bộ phận, cá nhân chịu trách nhiệm trong quy trình thực hiện.

Tháo gỡ vướng mắc thủ tục và triển khai hiệu quả việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư... các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án giao thông, xây dựng; trong ngắn hạn, cần thay đổi khuôn khổ pháp lý về định giá. Cơ chế, thành phần định giá đất cần độc lập hoàn toàn với cơ quan, cá nhân có quyền quyết định về thay đổi quy hoạch, thay đổi mục đích sử dụng đất, lựa chọn nhà thầu. Có phương án cắt giảm, điều chuyển vốn các dự án chậm phân bổ, chậm triển khai; chú trọng công tác kiểm tra, đôn đốc các dự án trọng điểm để kịp thời tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, phải xác định việc giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, chủ động báo cáo, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, tài nguyên... Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực đầu tư công như thủ tục đấu thầu, giải ngân vốn, điều chỉnh vốn, nghiệm thu...

Tăng cường phân cấp và tạo chủ động cho chính quyền địa phương

Thời gian qua, cơ chế phân cấp ngân sách giữa Trung ương và địa phương đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Phân cấp quản lý NSNN đã đảm bảo nguồn lực tài chính quốc gia được huy động và sử dụng hiệu lực, hiệu quả. Theo đó, ngân sách địa phương (NSDP) ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong hoạt động NSNN kể cả ở góc độ huy động nguồn thu và thực hiện nhiệm vụ chi. Tỷ trọng thu NSDP trong tổng thu NSNN đã tăng từ 37,4% giai đoạn 2011-2015 lên khoảng 45% giai đoạn 2016-2020; quy mô thu NSDP giai đoạn 2016-2020 tăng khoảng 1,87 lần so với giai đoạn 2011-2015, cao hơn mức tăng quy mô thu NSNN (1,6 lần).

Tuy nhiên, việc phân cấp ngân sách hiện nay đang tồn tại những bất cập, đòi hỏi phải đổi mới, nhằm tăng tính chủ động cho NSDP vừa đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương. Chi từ NSDP tăng quá cao trong khi nguyên tắc thu trên địa bàn chưa gắn với chi, trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch còn thấp có thể tăng rủi ro về cân đối ngân sách, bền vững nợ công trong tương lai. Luật Ngân sách nhà nước năm

2015 cho phép NSDP được vay nợ để bù đắp bội chi ngân sách cấp tỉnh và vay để trả nợ gốc các khoản vay. Việc vay nợ của chính quyền địa phương phải đảm bảo các nguyên tắc: thực hiện theo kế hoạch, chương trình quản lý nợ 3 năm, 5 năm và trong hạn mức được Quốc hội quyết định, Chính phủ giao; vay bù đắp bội chi chỉ được dùng cho đầu tư phát triển; thực hiện các khoản vay bằng VND và không được trực tiếp vay nước ngoài.

Ngoài ra, cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, ngành và địa phương, gắn phân cấp, phân quyền với việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng chế độ công vụ, công chức và tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là việc tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ và trách nhiệm của người đứng đầu.

Hoàn thiện cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

Cùng với quá trình tái cơ cấu đầu tư tài chính công, NSNN, công tác đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) được Đảng và Nhà nước quan tâm, chú trọng(3). Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong nhiều năm qua là đổi mới hệ thống tổ chức đơn vị SNCL theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, giảm đầu mối và tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, thu hút các cá nhân, tổ chức, thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công (SNC), bảo đảm cho các đối tượng chính sách, gia đình có công và người nghèo được thụ hưởng các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu.

Về sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp, thời gian qua, các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa XII và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tính đến năm 2020, đơn vị SNCL ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giảm 4.963 đơn vị; đơn vị trực thuộc chính quyền địa phương giảm 4.860 đơn vị. Số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giảm 7.386 nhân sự(4). Về cơ chế hoạt động, hệ thống các văn bản pháp luật quy định về tự chủ của đơn vị SNC, trong đó có tự chủ về tài chính, đã từng bước được hoàn thiện theo hướng đẩy mạnh giao quyền tự chủ tài chính.

Thực tế triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, cơ chế tài chính đối với các đơn vị SNCL còn nhiều vướng mắc, dẫn đến hoạt động kém hiệu quả. Do đó, để tiếp tục hoàn thiện cơ chế tài chính đối với đơn vị SNCL cần đẩy mạnh thực hiện cơ chế và giao tự chủ tài chính cho đơn vị SNCL theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW đã đề ra, tăng số lượng đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên; quy định rõ về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung, thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị. Tăng cường hiệu quả hoạt động, cơ chế thu, chi của đơn vị SNCL.

Huy động nguồn lực, xã hội hóa việc cung cấp dịch vụ SNCL. Để hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ công, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ SNC, đảm bảo bình đẳng giữa đơn vị SNCL và ngoài công lập; tiếp tục có chính sách khuyến khích, ưu đãi về đất đai, thuế, phí, tín dụng... để tạo thuận lợi cho hoạt động cung ứng dịch vụ công. Đối với các đơn vị SNCL hoạt động hiệu quả, tài chính tốt, có đủ điều kiện, tiến hành rà soát, đánh giá và lên phương án cổ phần hóa, vừa góp phần huy động được nguồn lực ngoài nhà nước, vừa gia tăng hiệu quả hoạt động, quản trị của đơn vị. Tập trung đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa trong một số lĩnh vực như y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... chuyển đổi phương thức từ Nhà nước trực tiếp đầu tư sang phương thức doanh nghiệp đầu tư theo quy hoạch.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của quỹ ngoài ngân sách

Các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN được hình thành từ chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước và được cụ thể hóa bằng các văn bản pháp luật. Trong nhiều năm qua, việc thành lập và hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN đã góp phần thúc đẩy xã hội hóa, huy động thêm nguồn lực tài chính trong và ngoài nước. Hiện nay, có khoảng trên 40 quỹ/loại quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được thành lập ở Trung ương và địa phương hoạt động trong nhiều lĩnh vực với quy mô khác nhau. Các quỹ này hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm được quản lý bởi các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức có hoạt động hỗ trợ của NSNN; hoạt động theo mô hình đơn vị SNCL; hoặc hoạt động theo mô hình chuyên biệt - công ty TNHH một thành viên.

Trong quá trình thực hiện, triển khai cho thấy hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN còn phức tạp, thiếu thống nhất và chưa có văn bản pháp luật mang tính khuôn khổ pháp lý chung...

Để đẩy mạnh hiệu quả hoạt động các quỹ này, cần hoàn thiện, rà soát khung quy định pháp lý có liên quan trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Nghiên cứu xây dựng luật quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách để bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, quy định trách nhiệm và quyền hạn của các ngành, các cấp trong việc thành lập, sử dụng quỹ và báo cáo tình hình thu, chi của từng loại quỹ. Bên cạnh đó, sắp xếp lại các quỹ ngoài ngân sách thông qua việc rà soát, tập trung các quỹ có cùng mục tiêu, thống nhất cơ chế và mô hình quản lý để sáp nhập, tổng hợp giúp giảm chi phí quản lý, tập trung nguồn lực. Trên cơ sở đó, tăng tính độc lập của các quỹ để tiến tới có khả năng tự cân đối, hạn chế tài trợ từ NSNN; giải thể các quỹ không có khả năng tài chính độc lập, hoạt động kém hiệu quả, lãng phí nguồn lực.

Đổi mới mô hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Một là, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tạo hành lang đầy đủ, thống nhất cho hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2011-2020, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014 và Luật số 69/2014/QH13 về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời, Chính phủ ban hành các nghị định hướng dẫn thi hành Luật số 69/2014/QH13 tạo hành lang pháp lý đầy đủ, nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước (DNNN) theo hướng: tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đồng thời bổ sung thêm nội dung về sắp xếp, cơ cấu lại và chuyển nhượng vốn nhà nước; phân định và làm rõ chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của đại diện chủ sở hữu nhà nước, đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước đã đầu tư tại DNNN; khắc phục tình trạng đầu tư chưa đúng mục tiêu, dàn trải. Thực hiện công khai, minh bạch và giám sát mọi hoạt động trong đầu tư và quản lý vốn đã đầu tư của Nhà nước vào doanh nghiệp.

Hai là, tiếp tục đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp.

Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025, chủ trương tái cơ cấu DNNN theo hướng nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh trên nền tảng công nghệ hiện đại, năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế, làm tốt vai trò dẫn dắt phát triển các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác nhằm huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội; quản lý chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp. Đồng thời, đặt ra mục tiêu cơ bản hoàn thành sắp xếp lại khối DNNN, chủ yếu tập trung trong những lĩnh vực then chốt, thiết yếu, địa bàn quan trọng về quốc phòng, an ninh; lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư.

Ba là, quản lý hiệu quả vốn nhà nước và việc sử dụng tài sản tại doanh nghiệp.

Theo định hướng tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của DNNN cần gắn phát triển DNNN với thực hiện chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Xác định rõ ngành, lĩnh vực then chốt cần có sự hiện diện của DNNN phù hợp với định hướng phát triển bền vững của đất nước. Khuyến khích các DNNN chuyển đổi mô hình phát triển hướng tới sử dụng năng lượng sạch, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, bao trùm; giải quyết dứt điểm tình trạng đầu tư dàn trải, ngoài ngành, lĩnh vực kinh doanh chính thông qua việc thoái vốn, bảo đảm các DNNN tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính; xây dựng cơ chế khuyến khích phối hợp, hợp tác giữa doanh nghiệp với nhau để thực hiện các dự án quy mô lớn, nâng cao hiệu quả tổng thể chuỗi dự án nhằm phát triển chuỗi giá trị của ngành, lĩnh vực, mở rộng không gian kinh doanh trên nguyên tắc các bên cùng đạt hiệu quả; tiếp tục nghiên cứu, nâng cao vai trò của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước để thu hút thêm nguồn lực tài chính vào các doanh nghiệp, dự án lớn, quan trọng./.

Ghi chú:

(1) Quốc hội, *Nghị quyết số 52/2017/NQ14 về chủ trương đầu tư dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020.*

(2) Bộ Chính trị, *Kết luận số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 về Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công.*

(3) Nguyễn Minh Phương, *Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập - Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Quản lý nhà nước năm 2020.